

Số: 04/SAVINA/CV/2020

## Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi:

**Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

## Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tiến Bình
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2019

Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT ✓



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2019



## MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	2
Báo cáo của Ban giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6 - 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26

**THÔNG TIN CHUNG****CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 04 năm 2016; thay đổi lần thứ 3 vào ngày 23 tháng 05 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty là kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên
Bà Trần Thanh Mai	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên

**BAN KIỂM SOÁT**

Bà Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Cao Tiến Bình	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 17/05/2018
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 06/05/2016

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo này là ông Cao Tiến Bình.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

## **CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



**Cao Tiên Bình**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 01 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

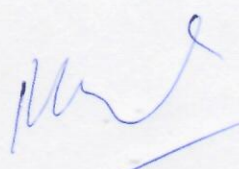
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>838.862.916.449</b>	<b>740.057.354.737</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>2.086.461.938</b>	<b>1.155.196.184</b>
111	1. Tiền		2.086.461.938	1.155.196.184
112	2. Các khoản tương đương tiền			
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>V.2</b>	<b>176.500.000.000</b>	<b>126.000.000.000</b>
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2.1	176.500.000.000	126.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>V.3</b>	<b>651.233.844.585</b>	<b>603.632.040.887</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3.1	2.925.980.876	6.417.411.264
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3.2	413.333.333	449.074.934
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.3.3	550.000.000.000	550.000.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.3.4	97.892.122.016	46.765.554.689
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.408.360	
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.4</b>	<b>9.042.609.926</b>	<b>9.270.117.666</b>
141	1. Hàng tồn kho		10.205.755.822	9.270.117.666
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.163.145.896)	
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>			
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>27.975.199.714</b>	<b>35.352.038.063</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>135.000.000</b>	<b>135.000.000</b>
216	6. Phải thu dài hạn khác		135.000.000	135.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>V.5</b>	<b>7.127.595.990</b>	<b>8.085.146.577</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.5.1	7.040.152.889	7.951.410.080
222	- Nguyên giá		21.195.260.896	21.150.060.896
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(14.155.108.007)	(13.198.650.816)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.5.2	87.443.101	133.736.497
228	- Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(144.023.899)	(97.730.503)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.6</b>	<b>9.865.219.891</b>	<b>11.154.171.491</b>
231	- Nguyên giá		30.568.731.091	30.568.731.091
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(20.703.511.200)	(19.414.559.600)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>V.7</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.000.000.000	6.000.000.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>V.2.2</b>	<b>4.322.500.000</b>	<b>9.427.342.680</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.322.500.000	3.272.500.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			15.340.360.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			(9.185.517.320)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>V.8</b>	<b>524.883.833</b>	<b>550.377.315</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		524.883.833	550.377.315
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>866.838.116.163</b>	<b>775.409.392.800</b>


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>18.834.131.981</b>	<b>17.008.383.962</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>V.9</b>	<b>18.487.631.981</b>	<b>16.515.183.962</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9.1	9.712.506.700	8.351.472.562
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.9.2	302.057.583	
313	3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	V.9.3	6.270.213.519	3.979.857.932
314	4. Phải trả người lao động	V.9.4	1.097.799.112	955.598.772
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.9.5	131.380.000	119.400.000
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.9.6	564.255.067	712.313.814
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.9.7	409.420.000	2.396.540.882
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>V.10</b>	<b>346.500.000</b>	<b>493.200.000</b>
337	7. Phải trả dài hạn khác		346.500.000	493.200.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>848.003.984.182</b>	<b>758.401.008.838</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.11</b>	<b>848.003.984.182</b>	<b>758.401.008.838</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.821.151.584
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(160.500.000)	(117.700.000)
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		97.243.732.598	7.597.957.254
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		7.597.957.254	7.597.957.254
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		89.645.775.344	
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>		<b>866.838.116.163</b>	<b>775.409.392.800</b>

  
 Nguyễn Thị Minh  
 Người lập  
 Ngày 20 tháng 01 năm 2020

  
 Đặng Xuân Ánh  
 Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2019

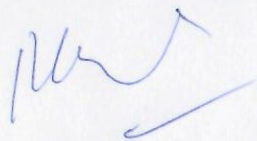
Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018	Lũy kế 12 tháng đầu năm 2019	Lũy kế 12 tháng đầu năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.985.911.883	11.307.484.869	38.862.197.601	36.851.735.287
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>VI.1</b>	<b>10.985.911.883</b>	<b>11.307.484.869</b>	<b>38.862.197.601</b>	<b>36.851.735.287</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	8.983.873.114	7.934.263.632	27.007.472.278	24.844.290.783
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>		<b>2.002.038.769</b>	<b>3.373.221.237</b>	<b>11.854.725.323</b>	<b>12.007.444.504</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	15.506.621.204	15.738.521.065	114.482.417.631	53.492.028.557
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	7.201.795	16.710.367	(9.143.889.768)	38.279.029
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay					
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	1.946.093.793	2.041.755.136	6.262.566.347	6.241.014.018
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	5.823.140.349	5.319.313.130	20.684.705.151	20.082.013.067
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>		<b>9.732.224.036</b>	<b>11.733.963.669</b>	<b>108.533.761.224</b>	<b>39.138.166.947</b>
31	11. Thu nhập khác	VI.7	1.192.402.623	37.834.694	1.346.656.832	123.945.327
32	12. Chi phí khác					
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		1.192.402.623	37.834.694	1.346.656.832	123.945.327

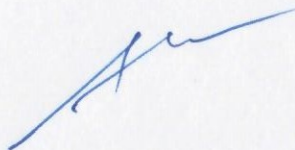
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)**

Quý 4 năm 2019

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018	Lũy kế 12 tháng đầu năm 2019	Lũy kế 12 tháng đầu năm 2018
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>		<b>10.924.626.659</b>	<b>11.771.798.363</b>	<b>109.880.418.056</b>	<b>39.262.112.274</b>
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.8	2.317.777.796	2.386.078.600	20.234.642.712	6.509.944.173
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>		<b>8.606.848.863</b>	<b>9.385.719.763</b>	<b>89.645.775.344</b>	<b>32.752.168.101</b>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.9	127	138	1.320	482
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)					



Nguyễn Thị Minh  
Người lập  
Ngày 20 tháng 01 năm 2020



Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>109.880.418.056</b>	<b>39.262.112.274</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		2.291.702.187	2.341.815.041
03	Các khoản dự phòng		(8.022.371.424)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(114.477.510.923)	(53.461.014.054)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(10.327.762.104)</b>	<b>(11.857.086.739)</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.511.840.130	1.085.634.851
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(935.638.156)	(1.938.134.316)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(244.828.820)	(9.554.353.272)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		25.493.482	(111.830.961)
15	- Thuế TNDN đã nộp		(18.164.065.873)	(2.679.370.232)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(26.134.961.341)</b>	<b>(25.055.140.669)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(45.200.000)	
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(129.000.000.000)	(688.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		78.500.000.000	615.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.050.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		68.580.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.124.227.095	10.614.503.264

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.109.027.095	(61.885.496.736)
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
32	Tiền chi từ mua lại cổ phiếu		(42.800.000)	(117.700.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(42.800.000)	(117.700.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		931.265.754	(87.058.337.405)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.155.196.184	88.213.533.589
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		2.086.461.938	1.155.196.184

Nguyễn Thị Minh

Người lập

Ngày 20 tháng 01 năm 2020

Đặng Xuân Ánh

Kế toán trưởng

Cao Tiến Bình

Tổng Giám đốc



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

**Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Thông tin doanh nghiệp**

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 4 năm 2016; thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 05 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là: 61 người (ngày 31/12/2018: 60 người).

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh

*(Tiếp theo)*

doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## **2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Công ty lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

## **3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

# **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

## **1. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

## **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm sách, văn hóa phẩm, nguyên vật liệu ...

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời ...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**5. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**6. Khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	26 - 39	năm
Các công trình kiến trúc khác	10 - 20	năm
Máy móc và thiết bị	5 - 19	năm
Phương tiện vận tải	5 - 12	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8	năm
Phần mềm máy tính	5	năm
Bản quyền	4 - 8	năm

**7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Nhà cửa	26 - 39	năm
Máy móc, thiết bị	5 - 19	năm

Tài sản cố định hữu hình chuyển sang bất động sản đầu tư theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13/10/2016. Tỷ lệ phân bổ theo diện tích cho thuê trên tổng diện tích.

**8. Đầu tư vào các công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

**9. Các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

**10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cụ thể như sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

*(Tiếp theo)*

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **13. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **14. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán sách và văn hóa phẩm*

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh sách, văn hóa phẩm và lịch Bloc, doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cho thuê bất động sản*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

**15. Thuế*****Thuế thu nhập hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

*(Tiếp theo)*

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	53.016.309	4.880.507
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.033.445.629	1.150.315.677
<b>Tổng</b>	<b>2.086.461.938</b>	<b>1.155.196.184</b>

**2. Đầu tư tài chính****2.1 - Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	176.500.000.000	176.500.000.000	126.000.000.000	126.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>176.500.000.000</b>	<b>176.500.000.000</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>126.000.000.000</b>

**2.2 - Đầu tư tài chính dài hạn****a - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty cổ phần in Sách Việt Nam		
- Giá gốc khoản đầu tư	4.322.500.000	3.272.500.000
- Dự phòng	-	-
- Giá trị hợp lý	4.322.500.000	3.272.500.000

**b - Đầu tư vào đơn vị khác**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty liên doanh TNHH Kim Ngọc		
- Giá gốc khoản đầu tư	-	15.340.360.000
- Dự phòng	-	(9.185.517.320)
- Giá trị hợp lý	-	6.154.842.680
<b>Tổng</b>	<b>4.322.500.000</b>	<b>9.427.342.680</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
3.1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu của khách hàng	2.925.980.876	6.417.411.264
Trong đó:		
Công ty cổ phần in Sách Việt Nam	435.973.898	3.919.257.210
Các đối tượng khác	2.490.006.978	2.498.154.054
<b>Tổng</b>	<b>2.925.980.876</b>	<b>6.417.411.264</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**B09-DN**

3.2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Trả trước ngắn hạn cho người bán	413.333.333	449.074.934
Trong đó		
<i>Bản quyền sách Almanach</i>	413.333.333	413.333.333
<i>Các đối tượng khác</i>	-	35.741.601
<b>Tổng</b>	<b>413.333.333</b>	<b>449.074.934</b>

## 3.3 - Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	550.000.000.000	550.000.000.000	550.000.000.000	550.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản cho một doanh nghiệp vay theo hợp đồng số 01/2018/HĐCV/SAVINA-VIETAN thời hạn cho vay 1 năm từ ngày 17/01/2018 với lãi suất 9%/năm. Hợp đồng cho vay này được gia hạn thêm và sẽ đáo hạn trong tháng 7 năm 2020

3.4 - Phải thu ngắn hạn khác	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Tạm ứng cho nhân viên	24.554.899	11.631.400
Phải thu ngắn hạn khác	97.867.567.117	46.753.923.289
- <i>Phải thu lãi cho vay</i>	94.343.835.615	44.843.835.614
- <i>Phải thu lãi tiền gửi</i>	3.523.731.502	1.910.087.675
<b>Tổng</b>	<b>97.892.122.016</b>	<b>46.765.554.689</b>

## 4. Hàng tồn kho

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>
Nguyên liệu, vật liệu	28.731.623	28.731.623	270.545.844	270.545.844
Thành phẩm	-	-	325.175.233	325.175.233
Hàng hóa	10.007.141.818	8.843.995.922	8.548.658.916	8.548.658.916
Hàng gửi bán	169.882.381	169.882.381	125.737.673	125.737.673
<b>Tổng</b>	<b>10.205.755.822</b>	<b>9.042.609.926</b>	<b>9.270.117.666</b>	<b>9.270.117.666</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**B09-DN****5. Tài sản cố định****5.1 - Tài sản cố định hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	17.117.521.633	913.524.181	3.119.015.082	<b>21.150.060.896</b>
Số cuối kỳ	17.117.521.633	913.524.181	3.164.215.082	<b>21.195.260.896</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				<b>-</b>
Số đầu kỳ	9.582.095.996	745.279.526	2.871.275.294	<b>13.198.650.816</b>
KH trong kỳ	777.529.644	65.869.860	113.057.687	<b>956.457.191</b>
Số cuối kỳ	10.359.625.640	811.149.386	2.984.332.981	<b>14.155.108.007</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				<b>-</b>
Số đầu kỳ	7.535.425.637	168.244.655	247.739.788	<b>7.951.410.080</b>
Số cuối kỳ	6.757.895.993	102.374.795	179.882.101	<b>7.040.152.889</b>

**5.2 – Tài sản cố định vô hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>
Số đầu kỳ	231.467.000
Số cuối kỳ	231.467.000
<b>Giá trị hao mòn trong kỳ</b>	
Số đầu kỳ	97.730.503
Hao mòn trong kỳ	46.293.396
Số cuối kỳ	144.023.899
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu kỳ	133.736.497
Số cuối kỳ	87.443.101

**6. Bất động sản đầu tư**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	27.247.468.212	-	3.321.262.879	<b>30.568.731.091</b>
Số cuối kỳ	27.247.468.212	-	3.321.262.879	<b>30.568.731.091</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu kỳ	16.377.193.966	-	3.037.365.634	<b>19.414.559.600</b>
KH trong kỳ	1.162.623.312	-	126.328.288	<b>1.288.951.600</b>
Số cuối kỳ	17.539.817.278	-	3.163.693.922	<b>20.703.511.200</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	10.870.274.246	-	283.897.245	<b>11.154.171.491</b>
Số cuối kỳ	9.707.650.934	-	157.568.957	<b>9.865.219.891</b>

**7. Tài sản dở dang dài hạn**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giải phóng mặt bằng	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

**8. Tài sản dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	324.733.194	347.748.307
Chi phí sửa chữa	155.092.610	128.891.495
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.058.029	73.737.513
<b>Tổng</b>	<b>524.883.833</b>	<b>550.377.315</b>

**9. Nợ ngắn hạn****9.1 – Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	9.712.506.700	9.712.506.700	8.351.472.562	8.351.472.562
Trong đó				
- Công ty TNHH thương mại Nhất Thống	700.700.000	700.000.000	471.900.000	471.900.000
- NXB Cambridge (Anh)	2.147.416.112	2.147.416.112	1.057.607.661	1.057.607.661
Các đối tượng khác	6.864.390.588	6.864.390.588	6.821.964.901	6.821.964.901
<b>Tổng</b>	<b>9.712.506.700</b>	<b>9.712.506.700</b>	<b>8.351.472.562</b>	<b>8.351.472.562</b>

**9.2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Người mua trả tiền trước	302.057.583	-
<b>Tổng</b>	<b>302.057.583</b>	<b>-</b>

**9.3 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau

	<b>31/12/2019</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>01/01/2019</b>
Thuế TNDN	5.901.150.780	20.234.642.712	18.164.065.873	3.830.573.941
Thuế thu nhập cá nhân	82.819.365	233.760.130	212.701.392	61.760.627
Thuế GTGT phải nộp	286.243.374	831.520.462	632.800.452	87.523.364
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	254.332.346	254.332.346	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí khác	-	382.621.098	382.621.098	-
<b>Tổng</b>	<b>6.270.213.519</b>	<b>21.939.876.748</b>	<b>19.649.521.161</b>	<b>3.979.857.932</b>

**9.4 - Phải trả người lao động**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Phải trả người lao động	1.097.799.112	955.598.772
<b>Tổng</b>	<b>1.097.779.112</b>	<b>955.598.772</b>

**9.5 - Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Chi phí trích trước	131.380.000	119.400.000
<b>Tổng</b>	<b>131.380.000</b>	<b>119.400.000</b>

**9.6 - Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Doanh thu hoãn lại, chưa thực hiện	564.255.067	712.313.814
<b>Tổng</b>	<b>564.255.067</b>	<b>712.313.814</b>

**9.7 - Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Phải trả ngắn hạn khác	-	64.220.882
Đặt cọc ngắn hạn	409.420.000	2.332.320.000
<b>Tổng</b>	<b>409.420.000</b>	<b>2.396.540.882</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**B09-DN****10. Nợ dài hạn**

Phải trả dài hạn khác

Đặt cọc thuê văn phòng, quầy hàng

**Tổng**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	346.500.000	493.200.000
<b>Tổng</b>	<b>346.500.000</b>	<b>493.200.000</b>

**11. Vốn chủ sở hữu***a - Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>LN sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Tổng</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>679.099.600.000</b>	<b>71.821.151.584</b>	<b>(117.700.000)</b>	<b>7.597.957.254</b>	<b>758.401.008.838</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	89.645.775.344	<b>89.645.775.344</b>
Tăng/ giảm khác			(42.800.000)		<b>(42.800.000)</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>679.099.600.000</b>	<b>71.821.151.584</b>	<b>(160.500.000)</b>	<b>97.243.732.598</b>	<b>848.003.984.182</b>

*b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Cổ đông nhà nước - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	67.909.960.000	67.909.960.000
Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần	443.642.740.000	443.642.740.000
Cổ đông khác	167.546.900.000	167.546.900.000
	<b>679.099.600.000</b>	<b>679.099.600.000</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Quý IV/ 2019</b>	<b>Quý IV/ 2018</b>
Doanh thu bán hàng sách và văn hóa phẩm	7.996.852.329	8.343.800.053
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.989.059.554	2.963.684.816
<b>Tổng</b>	<b>10.985.911.883</b>	<b>11.307.484.869</b>
 <b>2. Giá vốn hàng bán</b>	 <b>Quý IV/ 2019</b>	 <b>Quý IV/ 2018</b>
Giá vốn của hàng bán sách và văn hóa phẩm	7.625.925.444	6.653.679.712
Giá vốn của cung cấp dịch vụ	1.357.947.670	1.280.583.920
	<b>8.983.873.114</b>	<b>7.934.263.632</b>
 <b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	 <b>Quý IV/ 2019</b>	 <b>Quý IV 2018</b>
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.039.500	3.397.502
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.028.869.375	1.872.109.865
Lãi cho vay	12.476.712.329	13.863.013.698
<b>Tổng</b>	<b>15.506.621.204</b>	<b>15.738.521.065</b>
 <b>4. Chi phí tài chính</b>	 <b>Quý IV/ 2019</b>	 <b>Quý IV/ 2018</b>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.201.795	16.710.367
<b>Tổng</b>	<b>7.201.795</b>	<b>16.710.367</b>
 <b>5. Chi phí bán hàng</b>	 <b>Quý IV/ 2019</b>	 <b>Quý IV/ 2018</b>
Chi phí nhân viên	1.660.936.538	1.452.082.799
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	15.414.769	20.207.925
Chi phí bảo hành	38.338.335	50.189.614
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.094.931	452.210.298
Chi phí bằng tiền khác	60.309.220	67.064.500
<b>Tổng</b>	<b>1.946.093.793</b>	<b>2.041.755.136</b>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý IV/ 2019	Quý IV/ 2018
Chi phí nhân viên quản lý	1.661.789.041	1.483.908.586
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.650.520	32.260.266
Chi phí khấu hao TSCĐ	250.762.974	252.674.793
Thuế, phí và lệ phí	272.440.388	201.668.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.444.838.071	3.319.948.052
Chi phí bằng tiền khác	133.659.355	28.852.500
<b>Tổng</b>	<b>5.823.140.349</b>	<b>5.319.313.130</b>

7. Thu nhập khác	Quý IV/ 2019	Quý IV/ 2018
Thu nhập khác	1.192.402.623	37.834.694
<b>Tổng</b>	<b>1.192.402.623</b>	<b>37.834.694</b>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Quý IV/ 2019	Quý IV/ 2018
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.317.777.796	2.386.078.600
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.317.777.796</b>	<b>2.386.078.600</b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

	Quý IV/ 2019	Quý IV/ 2018
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	8.606.848.863	9.385.719.763
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ phiếu phổ thông</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<b>8.606.848.863</b>	<b>9.385.719.763</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	67.909.960	67.909.960
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>127</b>	<b>138</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	2.481.244.620	2.410.293.468
		Tiền thuê đã thu	6.099.126.700	3.121.987.725
Công ty TNHH Một thành viên Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	2.819.410.476	2.712.108.060
		Tiền đã thu	2.791.813.320	2.939.183.605
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Academy	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	62.712.708	
		Tiền đã thu	62.954.756	

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty TNHH Một thành viên Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền bán sách	30.795.080	-
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà	435.973.898	3.919.257.210
			<b>466.768.978</b>	<b>3.919.257.210</b>
<b>Phải trả khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả tiền in sách	-	52.843.450
			<b>-</b>	<b>52.843.450</b>

**2. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng****Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty**

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại 22A và 22B Hai Bà Trưng, 50A Hàng Bài (đều ở thành phố Hà Nội) làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê đất nêu trên đã hết hạn, và Công ty đang thực hiện việc gia hạn các hợp đồng với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại huyện Đông Anh và phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội. Theo chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Công ty tiếp tục sử dụng hai khu đất này cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước cho hai khu đất này.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán**

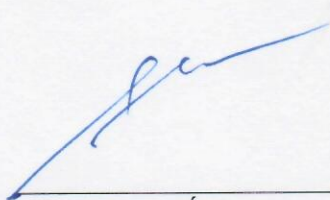
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Minh

Người lập

Ngày 20 tháng 01 năm 2020



Đặng Xuân Ánh

Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình

Tổng Giám đốc